BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.1 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_03/01/2024_3_1 Thi tại : 704-A2

hi:03/01/2024 Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00) Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	5230001	Nguyễn Thế Loan An	CNTT 27.1	8,8	01			
2	2	5230002	Lê Quang Anh	CNTT 27.1	2,8	02			
3	3	5230003	Nguyễn Minh Bách	CNTT 27.1	3,0	03			
4	4	5230057	~~Đoàn Đình Cách~~	KTXD 27.1					hp
5	5	5230004	Vũ Mạc Lương Cừ	CNTT 27.1	4,0	02			
6	6	5230007	Đỗ Lê Thành Đạt	CNTT 27.1	6,5	03			
7	7	5230005	Mai Văn Đạt	CNTT 27.1	6,8	01			
8	8	5230006	Nguyễn Thành Đạt	CNTT 27.1	6,3	03			
9	9	5230059	Nguyễn Văn Đạt	KTXD 27.1	6,8	02			
10	10	5230058	Phùng Tiến Đạt	KTXD 27.1	5,3	01			
11	11	5230008	Dương Văn Điệp	CNTT 27.1	6,0	01			
12	12	5230010	Lê Văn Doanh	CNTT 27.1	4,0	03			
13	13	5230009	Dương Văn Đức	CNTT 27.1	6,0	03			
14	14	5230011	Bùi Khả Tùng Dương	CNTT 27.1	6,8	01			
15	15	5230012	Nguyễn Quang Dương	CNTT 27.1	6,0	03			
16	16	5230013	Đỗ Văn Duy	CNTT 27.1	6,0	02			
17	17	5230060	Nguyễn Huy Duy	KTXD 27.1	9,0	02			
18	18	5230015	Nguyễn Tài Duy	CNTT 27.1	9,8	01			
19	19	5230014	Nguyễn Văn Duy	CNTT 27.1	1,5	01			
20	20	5230016	~~Nguyễn Đức Hải~~	CNTT 27.1					hp
21	21	5230017	Vũ Hoàng Hiệp	CNTT 27.1	6,8	02			
22	22	5230018	Nguyễn Trung Hiếu	CNTT 27.1	10,0	02			
23	23	5230019	~~Ngô Sỹ Hùng~~	CNTT 27.1					hp
24	24	5230020	Ngô Thị Hương	CNTT 27.1	7,5	01			
25	25	5230061	Vũ Ngọc Khải	KTXD 27.1	4,0	03			
26	26	5230021	Đỗ Khánh Linh	CNTT 27.1	6,3	~~01~~03			
27	27	5230022	Vũ Bảo Linh	CNTT 27.1	3,0	01			
28	28	5230023	Vũ Tiến Long	CNTT 27.1	6,5	02			
29	29	5230062	Trần Đức Lương	KTXD 27.1	6,5	02			
30	30	5230024	Nguyễn Văn Mạnh	CNTT 27.1	9,5	02			
31	31	5230063	Hà Văn Nghìn	KTXD 27.1	7,3	02			
32	32	5230025	Đỗ Quang Ngọc	CNTT 27.1	6,3	02			
33	33	5230026	Nguyễn Thị Qúy Ngọc	CNTT 27.1	3,0	03			
34	34	5230027	Trịnh Văn Ngọc	CNTT 27.1	2,3	02			
35	35	5230064	Lê Hoàng Nguyên	KTXD 27.1	4,5	03			
36	36	5230065	Lương Xuân Phong	KTXD 27.1	2,8	01			
37	37	5230028	Trịnh Xuân Phú	CNTT 27.1	4,3	03			
38	38	5230030	Nguyễn Anh Quân	CNTT 27.1	6,8	03			
39	39	5230029	~~Phạm Hữu Quang~~	CNTT 27.1					hp
40	40	5230066	Vũ Đình Thái	KTXD 27.1	3,5	01			
41	41	5230067	Nguyễn Văn Trung	KTXD 27.1	9,5	02			
42	42	5230031	Đặng Trọng Trường	CNTT 27.1	9,3	01			

...ọc phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

...ã DST:BS0.102.2_03/01/2024_3_1 Thi tại : 704-A2

...hi:03/01/2024 Ca thi: Ca 3 (13:00 - 15:00) Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	43	5230068 ✓	Nguyễn Quang Tuấn	KTXD 27.1	9,8	03			
44	44	5230032 ✓	Nguyễn Duy Tưởng	CNTT 27.1	9,5	01		Tưởng	
45	45	5230033	~~Đỗ Thị Hồng Vân~~	CNTT 27.1					hp
46	46	5230034 ✓	Nguyễn Trường Vĩ	CNTT 27.1	3,0	01		Vĩ	
47	47	5230035 ✓	Phạm Mạnh Vũ	CNTT 27.1	3,3	03		Vũ	
48	48	5230036 ✓	Lê Văn Vương	CNTT 27.1	2,5	01		Vương	

Tổng số tờ giấy thi : 43

Hà Nội,ngày 29 tháng 12 năm 2023

Trưởng bộ môn	Giáo viên chấm thi	Người lập bảng
PGS.TS. Trần Văn Long	Hoàng Thuỳ Linh T.V.Long	Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

...i đây đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nêu có)

- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.1 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_03/01/2024_4_2 Thi tại : 704-A2

Ngày thi:03/01/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	49	5230069	Trần Thành An	TDH 27.1	4,5	01			
2	50	5230070	Hoàng Tuấn Anh	TDH 27.1	7,0	02			
3	51	5230071	Lê Đức Chiến	TDH 27.1	4,3	06			
4	52	5230072	Nguyễn Thành Chung	TDH 27.1	3,5	01			
5	53	5230073	Nguyễn Việt Cương	TDH 27.1	8,0	05			
6	54	5230037	Trịnh Quốc Đạt	KT OTO 27.1	1,0	02			
7	55	5230074	Nguyễn Trung Đức	TDH 27.1	10,0	03			
8	56	5230038	Nguyễn Phong Hào	KT OTO 27.1	2,5	01			
9	57	5230075	Nguyễn Văn Hậu	TDH 27.1	1,3	01			
10	58	5230039	Lương Minh Hiệp	KT OTO 27.1	8,8	03			
11	59	5230040	Nguyễn Minh Hiếu	KT OTO 27.1	—				V
12	60	5230041	Nguyễn Thế Hiếu	KT OTO 27.1	7,5	01			
13	61	5230042	Nguyễn Văn Hiếu	KT OTO 27.1	4,3	01			
14	62	5230076	Trần Quốc Hiệu	TDH 27.1	6,0	02			
15	63	5230077	Nguyễn Công Hoan	TDH 27.1	5,0	05			
16	64	5230078	Nguyễn Việt Hoàng	TDH 27.1	6,8	06			
17	65	5230079	Đỗ Văn Huy	TDH 27.1	5,0	03			
18	66	5230080	Lương Gia Huy	TDH 27.1	1,0	04			
19	67	5230043	Trần Huy Khánh	KT OTO 27.1	2,5	05			
20	68	5230081	Đỗ Chí Khiêm	TDH 27.1	1,0	02			
21	69	5230082	~~Đỗ Văn Kiên~~	TDH 27.1	—				V hp
22	70	5230044	Hoàng Đình Kiên	KT OTO 27.1	3,3	04			
23	71	5230083	Lê Tùng Lâm	TDH 27.1	8,3	06			
24	72	5230045	~~Quách Tùng Lâm~~	KT OTO 27.1	—				V hp
25	73	5230046	~~Trần Đức Lương~~	KT OTO 27.1	—				V hp
26	74	5230047	Bùi Công Minh	KT OTO 27.1	1,0	05			
27	75	5230048	Vũ Công Minh	KT OTO 27.1	4,8	06			
28	76	5230049	Đỗ Trung Nam	KT OTO 27.1	5,3	01			
29	77	5230084	Bùi Cao Nguyên	TDH 27.1	3,3	05			
30	78	5230085	Nguyễn Văn Phước	TDH 27.1	8,3	03			
31	79	5230086	Hoàng Văn Quân	TDH 27.1	00,0	02			
32	80	5230087	Nguyễn Văn Quân	TDH 27.1	5,5	04			
33	81	5230088	Nguyễn Văn Quang	TDH 27.1	4,3	06			
34	82	5230050	~~Vũ Ngọc Quang~~	KT OTO 27.1	—				V hp
35	83	5230089	Phạm Huy Quyền	TDH 27.1	1,0	02			
36	84	5230091	Phạm Văn Sơn	TDH 27.1	4,0				
37	85	5230090	Vũ Đình Sơn	TDH 27.1	4,3	05			
38	86	5230092	Vũ Đình Sơn	TDH 27.1	5,0	03			
39	87	5230093	Bùi Kim Tấn	TDH 27.1	9,0	01			
40	88	5230051	Đỗ Minh Thành	KT OTO 27.1	3,0	04			
41	89	5230052	Lê Văn Thành	KT OTO 27.1	4,8	02			
42	90	5230094	Nguyễn Tiến Thành	TDH 27.1	2,3	03			

Học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_03/01/2024_4_2 Thi tại : 704-A2

Ngày thi:03/01/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	91	5230095	√	Nguyễn Văn Thiện	TDH 27.1	5,0	05		Thiện	
44	92	5230096	√	Bùi Xuân Thìn	TDH 27.1	3,0	01		Thìn	
45	93	5230053	√	Hoàng Văn Triển	KT OTO 27.1	5,5	04		Triển	
46	94	5230055	√	Vũ Anh Tú	KT OTO 27.1	1,0	06		Tú	
47	95	5230056	√	Nguyễn Minh Tuấn	KT OTO 27.1	6,5	04		Tuấn	
48	96	5230097	√	Vũ Văn Tuấn	TDH 27.1	2,5	06		Tuấn	
49	97	5230098	√	Nguyễn Huy Tùng	TDH 27.1	1,0	02		Tùng	
50	98	5230054		~~Mai Thế Vinh~~	KT OTO 27.1	—				√ hp

Tổng số bài thi : 44 **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 12 năm 2023

Hai giáo viên chấm thi	Trưởng bộ môn	Người lập bảng
NHHoàng T.V.Long	PGS.TS.Trần Văn Long	Nguyễn Thanh Bì

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nêu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Bùi Hường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

KHOA ---

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY

Khóa Liên thông 25.2 - Học kỳ phụ - Đợt 21 - Kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Thống kê và sử lý số liệu **Ngày thi:**

Tên lớp học phần :Thống kê và sử lý số liệu-21-1-23(N01) **Số Tín chỉ : 2**

Hệ số điểm thành phần: a = Hệ số điểm thi kết thúc học phần: b =

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm đánh giá quá trình (a)	Đề thi số	Chữ ký sv	Điểm thi kết thúc học phần (b)	Điểm học phần	Ghi chú
1	5210530	Đào Minh	Hiếu	KTOTO 25.2	7,0	2309	Hiếu	4,0		
2	5210367	Hoàng Mạnh	Huân	KTOTO 25.2	7,0	2304	Huân	5,0		
3	5210537	Nguyễn Tá	Khải	KTOTO 25.2	7,0	2307	Khải	5,0		

Tông sô SV: **Sô SV có mặt :** **Sô SV văng mặt :** **Sô SV đạt :**

Ngày 14 tháng 12 năm 2023

Hai giáo viên châm thi		Trưởng bộ môn	Người lập bảng
Bùi Hường	Vũ Thị Hường	PGS.TS. Trần Văn Long	Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:
- Bảng điểm học kỳ phải có đủ điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần
- Sinh viên bỏ thi cho điểm 0
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi đến phòng Đào tạo Đại học và các Khoa, Viện liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Bình
Lê Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
KHOA ---

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY
Khóa Liên thông 25.2 - Học kỳ phụ - Đợt 21 - Kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Đại số **Ngày thi:**

Tên lớp học phần :Đại số-21-1-23(N01) **Số Tín chỉ : 2**

Hệ số điểm thành phần: a = Hệ số điểm thi kết thúc học phần: b =

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình (a)	Đề thi số	Chữ ký sv	Điểm thi kết thúc học phần (b)	Điểm học phần	Ghi chú
1	5210365	Nguyễn Mạnh Hà	KTOTO 25.2	6,0	4	Hà.	6,0	6,0	

Tổng số SV: 1 **Số SV có mặt :** **Số SV vắng mặt :** **Số SV đạt :**

Ngày 14 tháng 12 năm 2023

Hai giáo viên châm thi **Trưởng bộ môn** **Người lập bảng**

M.P. Bình T.V. Long PGS.TS. Trần Văn Long Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:
- Bảng điểm học kỳ phải có đủ điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần
- Sinh viên bỏ thi cho điểm 0
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi đến phòng Đào tạo Đại học và các Khoa, Viện liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_04/03/2024_4_1 Thi tại : 403-A7

Ngày thi:04/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	1	5232002	Đào Đức Anh	CDT27.2	4,3	13			
2	2	5232186	Lê Đức Anh	KTD27.2	8,0	12			
3	3	5232001	Nguyễn Quang Anh	CDT27.2	2,5	13			
4	4	5232187	Nguyễn Tuấn Anh	KTD27.2	2,5	11			
5	5	5232188	Nguyễn Hữu Bình	KTD27.2	5,5	12			
6	6	5232189	Quàng Văn Bình	KTD27.2	5,5	12			
7	7	5232190	Trần Ngọc Cảnh	KTD27.2	3,5	13			
8	8	5232003	Nghiêm Đình Chiến	CDT27.2	5,5	13			
9	9	5232191	Hoàng Văn Chung	KTD27.2	2,5	14			
10	10	5232176	Bùi Quốc Cường	KTD27.2	4,0	12			
11	11	5232033	Nguyễn Mạnh Cường	CDT27.2	00,0				✓
12	12	5232004	Trần Đức Cường	CDT27.2	5,0	11			
13	13	5232192	Lưu Đắc Đài	KTD27.2	2,5	11			
14	14	5232005	Vũ Đăng Hải Đăng	CDT27.2	3,5	11			
15	15	5232007	Lê Đình Vĩ Đạt	CDT27.2	5,0	14			
16	16	5232008	Nguyễn Tiến Đạt	CDT27.2	2,0	11			
17	17	5232009	Nguyễn Trọng Đạt	CDT27.2	5,0	14			
18	18	5232193	Nguyễn Hữu Đô	KTD27.2	5,0	13			
19	19	5232194	~~Dương Văn Đức~~	KTD27.2					✓ HP
20	20	5232034	Hứa Văn Đức	CDT27.2	3,5	12			
21	21	5232035	~~Lê Minh Đức~~	CDT27.2					✓ HP
22	22	5232010	Nguyễn Qúy Đức	CDT27.2	8,5	13			
23	23	5232011	Nguyễn Văn Đức	CDT27.2	5,5	14			
24	24	5232195	~~Phan Hữu Đức~~	KTD27.2					✓ HP
25	25	5232177	Vũ Văn Đức	KTD27.2	5,5	12			
26	26	5232196	Lê Tiến Dũng	KTD27.2	3,0	14			
27	27	5232197	Nguyễn Hải Dũng	KTD27.2	4,5	14			
28	28	5232198	Phan Duy Được	KTD27.2	0,5	13			
29	29	5232036	Hồ Nguyễn Tùng Dương	CDT27.2	5,0	14			
30	30	5232037	Đinh Văn Duy	CDT27.2	9,0	11			
31	31	5232199	~~Hoàng Duy~~	KTD27.2					✓ HP
32	32	5232006	Nguyễn Mạnh Duy	KTD27.2	4,0	13			
33	33	5232200	Hồ Đình Giang	KTD27.2	10,0	12			
34	34	5232201	Lê Hữu Hải	KTD27.2	6,0	11			
35	35	5232038	Lê Quang Hải	CDT27.2	5,0	14			
36	36	5232012	Nguyễn Văn Minh Hải	CDT27.2	6,0	13			
37	37	5232013	~~Bùi Duy Hiển~~	CDT27.2					✓ HP
38	38	5232202	Nguyễn Văn Hiệp	KTD27.2	2,5	12			
39	39	5232014	Nguyễn Công Hiếu	CDT27.2	6,0	14			
40	40	5232178	~~Nguyễn Đức Hiếu~~	KTD27.2					✓ HP
41	41	5232203	Nguyễn Trọng Hiếu	KTD27.2	6,5	11			
42	42	5232204	Quyền Đình Hiếu	KTD27.2	4,0	12			

Học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_04/03/2024_4_1 Thi tại : 403-A7

Ngày thi:04/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:1

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	43	5232179	Hoàng Quang Hòa	KTD27.2	3,0	14		Hoà	
44	44	5232205	La Văn Hoàng	KTD27.2	6,0	11		Hoàng	
45	45	5232206	Nguyễn Đình Hoàng	KTD27.2	3,0	14			
46	46	5232039	~~Nguyễn Hòa Hợp~~	CDT27.2					V HP
47	47	5232208	Bùi Duy Hùng	KTD27.2	6,0	11		Hùng	
48	48	5232180	Lê Văn Hùng	KTD27.2	2,0	13		Hung	
49	49	5232207	Nguyễn Hữu Hùng	KTD27.2	2,5	14		Hùng	
50	50	5232209	Nguyễn Hữu Hưng	KTD27.2	3,0	14		Hưng	
51	51	5232181	Nguyễn Thịnh Hưng	KTD27.2	4,0	12		Hưng	
52	52	5232015	Trần Văn Hưng	CDT27.2	6,5	11		Hưng	
53	53	5232040	Vũ Tuấn Hưng	CDT27.2	7,0	13		Hưng	
54	54	5232016	Đinh Quốc Huy	CDT27.2	5,0	12		Huy	
55	55	5232211	Nguyễn Tuấn Kiệt	KTD27.2	5,0	13			
56	56	5232019	Bạch Cảnh Kỳ	CDT27.2	5,5	11		Kỳ	

Tổng số bài thi : 48 **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi **Trưởng bộ môn** **Người lập bảng**

N.M. Hùng Trần Văn Long PGS.TS. Trần Văn Long Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

17h05

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_04/03/2024_4_2 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:04/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	57	5232017	~~Cao Quang Khải~~	CDT27.2					HP
2	58	5232210	Nguyễn Đức Khang	KTD27.2	0,5	11		Khang	
3	59	5232041	Nguyễn Đức Khánh	CDT27.2	5,5	14			
4	60	5232182	Nguyễn Văn Khánh	KTD27.2	00,0	14		Khánh	
5	61	5232018	Nguyễn Viết Khoa	CDT27.2	4,5	12		Khoa	
6	62	5232212	Phạm Hải Linh	KTD27.2	0,5	13			
7	63	5232020	~~Bùi Văn Lộc~~	CDT27.2					HP
8	64	5232214	~~Đặng Thanh Long~~	KTD27.2					HP
9	65	5232183	Ngô Cao Long	CDT27.2	0,5	13			
10	66	5232213	Vũ Thành Long	KTD27.2	0,5	12			
11	67	5232021	Đỗ Thành Luân	CDT27.2	4,5	13		Luân	
12	68	5232022	~~Nguyễn Đình Luận~~	CDT27.2					HP
13	69	5232043	~~Đỗ Đình Minh~~	CDT27.2					HP
14	70	5232044	~~Nguyễn Anh Minh~~	CDT27.2					HP
15	71	5232042	~~Phạm Quang Minh~~	CDT27.2					HP
16	72	5232215	Nguyễn Đức Nam	KTD27.2	2,5	11		Nam.	
17	73	5232024	~~Nguyễn Kim Nam~~	CDT27.2					HP
18	74	5232023	Nguyễn Việt Nam	CDT27.2	4,0	11		Nam	
19	75	5232045	Đinh Đại Nghĩa	CDT27.2	5,0	12		Nghĩa	
20	76	5232046	Lê Anh Ngọc	CDT27.2	7,5	13		Ngọc	
21	77	5232047	~~Nguyễn Trung Nguyên~~	CDT27.2					HP
22	78	5232048	~~Nguyễn Viết Tùng Ninh~~	CDT27.2					HP
23	79	5232184	Phạm Tuấn Phát	KTD27.2	2,8	12			
24	80	5232049	Đinh Văn Phúc	CDT27.2	3,0	14		Phúc	
25	81	5232050	Đặng Đình Quân	CDT27.2	9,0	13		Quân	
26	82	5232025	~~Nguyễn Thiện Quang~~	CDT27.2					HP
27	83	5232051	~~Trần Đình Quang~~	CDT27.2					HP
28	84	5232052	~~Đỗ Trung Sơn~~	CDT27.2					HP
29	85	5232026	Nguyễn Văn Sơn	CDT27.2	2,5	12		Sơn	
30	86	5232216	Lê Đức Tài	KTD27.2	1,0	14		Tài	
31	87	5232053	Chu Đức Thắng	CDT27.2	3,0	13		Thắng	Thắng
32	88	5232054	Đặng Đình Thắng	CDT27.2	00,0				
33	89	5232217	Nguyễn Ngọc Thắng	KTD27.2	2,5	14		Thắng	
34	90	5232027	Trương Văn Thắng	CDT27.2	1,5	11		Thắng	
35	91	5232219	Nguyễn Minh Thành	KTD27.2	2,0	12		Thanh	
36	92	5232218	Phạm Văn Thành	KTD27.2	2,5	12			
37	93	5232220	Nông Quang Thiện	KTD27.2	5,5	11			
38	94	5232055	Đinh Văn Thức	CDT27.2	5,0	12		Thức	
39	95	5232028	Phan Văn Thưởng	CDT27.2	00,0	11		Thưởng	
40	96	5232056	Nguyễn Văn Thủy	CDT27.2	00,0	11		Thủy	
41	97	5232221	Nguyễn Xuân Tiền	KTD27.2	7,5	14			
42	98	5232029	Chu Quốc Toản	CDT27.2	3,5	12		Toản	

Học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_04/03/2024_4_2 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:04/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:2

STT	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	99	5232057	✓	Nguyễn Đức Trung	CDT27.2	2,5	14		Trung	
44	100	5232030	✓	Nguyễn Văn Trung	CDT27.2	2,5	13		trung	
45	101	5232058	✓	Nguyễn Văn Trường	CDT27.2	8,5	11		Trường	
46	102	5232223	✓	Nguyễn Văn Trường	KTD27.2	3,0	14		Trường	
47	103	5232224	✓	Nguyễn Văn Trường	KTD27.2	2,5	13		Trường	
48	104	5232031	✓	Nguyễn Anh Tú	CDT27.2	3,5	13		Tú	
49	105	5232185	✓	Nguyễn Thành Tú	KTD27.2	2,5	14		Tú	
50	106	5232225		~~La Đức Tuân~~	KTD27.2					HP
51	107	5232222		~~Đào Thế Tuấn~~	KTD27.2					HP
52	108	5232226	✓	Nguyễn Đức Tuấn	KTD27.2	0,5	14			
53	109	5232059	✓	Tô Trọng Tùng	CDT27.2	8,5	12		Tùng	
54	110	5232227	✓	Dương Văn Tuyển	KTD27.2	3,0	13		Tuyển	
55	111	5232032		~~Ngô Văn Vũ~~	CDT27.2					HP
56	112	5232060	✓	Văn Huy Vũ	CDT27.2	1,0	11		Vũ	

Tổng số bài thi : 39 **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi	Trưởng bộ môn	Người lập bảng
N.M.Hùng Trần Văn Long	PGS.TS. Trần Văn Long	Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_05/03/2024_4_3 Thi tại : 403-A7

Ngày thi:05/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	113	5232478	✓	Lê Văn An	QTKD 27.2	3,0	10		An	
2	114	5232477	✓	Trần Khắc An	QTKD 27.2	00,0	08		An	KL thi
3	115	5232406	✓	Chu Việt Anh	TDH27.2	00,0	11			
4	116	5232404	✓	Đặng Hoàng Anh	TDH27.2	1,8	08			
5	117	5232405	✓	Trần Tuấn Anh	TDH27.2	2,0	10		Anh	
6	118	5232407	✓	Nguyễn Việt Bách	TDH27.2	4,0	12		B	
7	119	5232479	✓	Nguyễn Tiến Bằng	QTKD 27.2	10,0	07		Bằng	
8	120	5232480	✓	Vũ Quốc Bảo	QTKD 27.2	8,5	12			
9	121	5232408	✓	Trần Tiến Châu	TDH27.2	4,8	09		Châu	
10	122	5232481	✓	Dương Quang Chung	QTKD 27.2	3,5	11		chung	
11	123	5232409	✓	Lê Hữu Chung	TDH27.2	5,0	12		Chung	
12	124	5232516	✓	Đào Ngọc Cương	KTXD 27.2	8,3	11			
13	125	5232482		~~Lê Văn Cường~~	QTKD 27.2					HP
14	126	5232483	✓	Trần Mạnh Cường	QTKD 27.2	7,0	08		Cường	
15	127	5232412	✓	Lã Tiến Đạt	TDH27.2	7,0	12		Đạt	
16	128	5232410	✓	Nghiêm Danh Thành Đạt	TDH27.2	4,5	12		Đạt	
17	129	5232411	✓	Nguyễn Thành Đạt	TDH27.2	3,0	07		Đạt	
18	130	5232487		La Tuấn Điệp	QTKD 27.2					? vắng
19	131	5232413		Nguyễn Phạm Đông	TDH27.2					
20	132	5232414	✓	Ngô Tiến Đồng	TDH27.2	6,5	09		Đồng	
21	133	5232416	✓	Hoàng Văn Đức	TDH27.2	3,8	08		Đức	
22	134	5232415	✓	Nguyễn Việt Đức	TDH27.2	7,0	11		Đức	
23	135	5232488	✓	Nguyễn Xuân Thái Văn Đức	QTKD 27.2	4,5	08		Đức	
24	136	5232484	✓	Nguyễn Thị Dung	QTKD 27.2	6,3	11		Dung	
25	137	5232485	✓	Đỗ Tiến Dũng	QTKD 27.2	7,0	07		Dũng	
26	138	5232486	✓	Phùng Thị Dương	QTKD 27.2	5,8	08			
27	139	5232418	✓	Đặng Tuấn Duy	TDH27.2	00,0	11			
28	140	5232417	✓	Trần Đức Duy	TDH27.2	6,5	07		Duy	
29	141	5232419	✓	Hoàng Trần Giang	TDH27.2	8,8	07		Giang	
30	142	5232389	✓	Lương Văn Hà	TDH27.2	4,0	09		Hà	
31	143	5232420	✓	Phùng Văn Hạ	TDH27.2	2,0	10			
32	144	5232489	✓	Hoàng Văn Hiệp	QTKD 27.2	2,8	12		Hiệp	
33	145	5232421		Phạm Trung Hiếu	TDH27.2					vắng
34	146	5232490	✓	Chu Thị Hoa	QTKD 27.2	7,8	09		Hoa	
35	147	5232491	✓	Trần Minh Hòa	QTKD 27.2	3,8	09		Hòa	
36	148	5232422	✓	Ngô Văn Hoàng	TDH27.2	2,0	12		Hoàng	
37	149	5232390	✓	Nguyễn Văn Hoàng	TDH27.2	1,8	10			
38	150	5232492	✓	Nguyễn Thị Hồng	QTKD 27.2	3,5	08		Hồng	
39	151	5232423	✓	Diệp Văn Hùng	TDH27.2	5,0	10		Hùng	
40	152	5232391		~~Hoàng Phi Hùng~~	TDH27.2					HP
41	153	5232493		~~Nguyễn Phi Hùng~~	QTKD 27.2					HP
42	154	5232424	✓	Vũ Phi Hùng	TDH27.2	2,5	07		Hùng	

học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_05/03/2024_4_3 Thi tại : 403-A7

Ngày thi:05/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:3

STT	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	155	5232425	✓	Phạm Đình Hướng	TDH27.2	4,0	11		Hướng	
44	156	5232426	✓	Lê Đắc Huy	TDH27.2	5,8	09		Huy	
45	157	5232394		~~Nguyễn Đức Huy~~	TDH27.2					HP
46	158	5232393	✓	Nguyễn Xuân Huy	TDH27.2	8,5	07		Huy	
47	159	5232392	✓	Trần Quang Huy	TDH27.2	5,3	12		Huy	
48	160	5232427		~~Vương Ngọc Khanh~~	TDH27.2					HP
49	161	5232395		~~Nguyễn Minh Khánh~~	TDH27.2					HP
50	162	5232429	✓	Kiều Văn Kiên	TDH27.2	4,0	07		Kiên	
51	163	5232397	✓	Tạ Duy Kiên	TDH27.2	8,8	10		Kiên	

Tổng số bài thi : **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi **Trưởng bộ môn** **Người lập bảng**

N.H.Hoang T.V.Long PGS.TS.Trần Văn Long Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_05/03/2024_4_4 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:05/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	164	5232396	Vũ Anh Khiên	TDH27.2	8,8	09		Khiên	
2	165	5232428	Nguyễn Văn Khuê	TDH27.2	4,0	12		Khuê	
3	166	5232494	Lê Thanh Loan	QTKD 27.2	2,5	09		Loan	
4	167	5232495	Trần Thị Lụa	QTKD 27.2	10,0	11		Lụa	
5	168	5232398	Đoàn Đình Lực	TDH27.2	7,0	08		Lực	
6	169	5232399	~~Hoàng Văn Luyện~~	TDH27.2					HP
7	170	5232430	Hồ Quang Minh	TDH27.2	9,5	07		Minh	
8	171	5232431	Nguyễn Đắc Minh	TDH27.2	8,8	07		Minh	
9	172	5232432	Nguyễn Khắc Minh	TDH27.2	7,3	12			
10	173	5232433	~~Hoàng Văn Nam~~	TDH27.2					HP
11	174	5232434	Nguyễn Hải Nam	TDH27.2	1,0	10		Nam	
12	175	5232496	Nguyễn Thị Năng	QTKD 27.2	2,5	11			
13	176	5232498	~~Đặng Thị Bích Ngọc~~	QTKD 27.2					HP
14	177	5232497	Trần Vũ Khánh Ngọc	QTKD 27.2	4,0	08		Ngọc	
15	178	5232499	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	QTKD 27.2	1,5	11			
16	179	5232400	Trần Hoàng Phi	TDH27.2	2,5	08		Phi	
17	180	5232435	Hoàng Trung Phong	TDH27.2	5,8	07			
18	181	5232436	Bùi Văn Phúc	TDH27.2	8,8	11			
19	182	5232401	Lê Văn Phúc	TDH27.2	5,8	10			
20	183	5232501	Nguyễn Hồng Quân	QTKD 27.2	3,5	10		Quân	
21	184	5232438	Phạm Đình Mạnh Quân	TDH27.2	00,0	10		Quân	
22	185	5232500	Tống Đức Quân	QTKD 27.2	5,0	10		Quân	
23	186	5232437	Vũ Minh Quân	TDH27.2	1,0	11		Quân	
24	187	5232439	~~Nguyễn Minh Quang~~	TDH27.2					HP
25	188	5232502	Nguyễn Trọng Quang	QTKD 27.2					Vắng
26	189	5232440	Phạm Minh Quốc	TDH27.2	3,3	11		Quốc	
27	190	5232503	Lý Phương Quỳnh	QTKD 27.2	7,0	09			
28	191	5232505	~~Nguyễn Văn Sơn~~	QTKD 27.2					HP
29	192	5232504	Phạm Tạ Qúy Sơn	QTKD 27.2					Vắng
30	193	5232441	~~Nguyễn Bá Sỹ~~	TDH27.2					HP
31	194	5232506	Nguyễn Văn Tài	QTKD 27.2	3,8	08		Tài	
32	195	5232442	Nguyễn Ngọc Anh Thái	TDH27.2	0,5	10		Thái	
33	196	5232444	Hà Việt Thắng	TDH27.2	00,0	12		Thắng	
34	197	5232443	Nguyễn Đức Thắng	TDH27.2	4,0	07		Thắng	
35	198	5232507	Ngô Ngọc Thành	QTKD 27.2	3,0	08		Thành	
36	199	5232508	Bùi Thị Phương Thảo	QTKD 27.2	5,5	09		Thảo	
37	200	5232509	Nguyễn Tài Thu	QTKD 27.2	5,0	07		Thu	
38	201	5232510	~~Lương Đức Anh Thư~~	QTKD 27.2					HP
39	202	5232511	Nguyễn Phương Thúy	QTKD 27.2	4,0	12		Thúy	
40	203	5232445	Lê Văn Tiến	TDH27.2	7,3	12		Tiến	
41	204	5232446	Nguyễn Kim Tiền	TDH27.2	1,0	12		Tiền	
42	205	5232512	Hà Thị Kiều Trinh	QTKD 27.2	5,0	08		Trinh	

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_05/03/2024_4_4 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:05/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:4

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	206	5232513	Hà Thị Thúy Trinh	QTKD 27.2	5,0	07			
44	207	5232402	Đào Văn Trung	TDH27.2	1,0	09			
45	208	5232514	Đỗ Ngọc Tú	QTKD 27.2					vắng
46	209	5232448	Lý Xuân Tuấn	TDH27.2	2,8	12			
47	210	5232447	Nguyễn Văn Tuấn	TDH27.2	2,3	07			
48	211	5232449	Trần Anh Tuấn	TDH27.2	5,0	09			
49	212	5232403	Vũ Anh Tuấn	TDH27.2	1,3	08			
50	213	5232450	Nguyễn Hải Vân	TDH27.2	1,5	10			
51	214	5232451	Nguyễn Bảo Việt	TDH27.2	5,0	11			
52	215	5232515	Nguyễn Thế Vương	QTKD 27.2	5,0	09			

Tổng số bài thi : **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi	Trưởng bộ môn	Người lập bảng
NHHoang T.V.Long	PGS.TS. Trần Văn Long	Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_06/03/2024_4_5 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:06/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:5

hàng	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	216	5232080	✓	Nguyễn Thế Anh	CNTT 27.2 1	3.5	04		Anh	
2	217	5232079	✓	Nguyễn Vân Anh	CNTT 27.2 1	4.3	03		Anh	
3	218	5232062	✓	Trần Đức Anh	CNTT 27.2 1	4.0	04		Anh	
4	219	5232061	✓	Vũ Tuấn Anh	CNTT 27.2 1	8.8	01		Anh	
5	220	5232081	✓	Đào Trọng Bằng	CNTT 27.2 1	5.0	01		Bằng	
6	221	5232082	✓	Nguyễn Thị Thanh Bình	CNTT 27.2 1	5.5	02		Bình	
7	222	5232083		~~Đỗ Văn Cường~~	CNTT 27.2 1					HP
8	223	5232084	✓	Hoàng Mạnh Cường	CNTT 27.2 1	5.3	03		Cường	
9	224	5232089	✓	Nguyễn Viết Hải Đăng	CNTT 27.2 1	3.5	04		Đăng	
10	225	5232090		~~Lùng Văn Đạt~~	CNTT 27.2 1					HP
11	226	5232091	✓	Ma Thế Đạt	CNTT 27.2 1	5.3	01		Đạt	
12	227	5232063		~~Nguyễn Văn Đông~~	CNTT 27.2 1					HP
13	228	5232092	✓	Bùi Việt Đức	CNTT 27.2 1	8.0	03		Đức	
14	229	5232096	✓	Lê Minh Đức	CNTT 27.2 1	8.8	02		Đức	
15	230	5232064	✓	Ngô Minh Đức	CNTT 27.2 1	9.8	01		Đức	
16	231	5232095	✓	Nguyễn Hữu Đức	CNTT 27.2 1	3.0	04		Đ	
17	232	5232094	✓	Phạm Ngọc Đức	CNTT 27.2 1	7.0	03		Đức	
18	233	5232093	✓	Tạ Công Đức	CNTT 27.2 1	6.8	02		Đ	
19	234	5232085		~~Lê Thị Dung~~	CNTT 27.2 1					HP
20	235	5232086	✓	Trương Mạnh Dũng	CNTT 27.2 1	8.3	03		D	
21	236	5232087	✓	Đỗ Văn Duy	CNTT 27.2 1	6.5	04		Duy	
22	237	5232088	✓	Nguyễn Qúy Duy	CNTT 27.2 1	00.0	04			
23	238	5232097	✓	Vương Văn Giang	CNTT 27.2 1	2.0	02		Giang	
24	239	5232098	✓	Lê Văn Hai	CNTT 27.2 1	7.3	01		Hai	
25	240	5232065	✓	Nguyễn Minh Hải	CNTT 27.2 1	9.0	01		H	
26	241	5232099	✓	Trần Trung Hải	CNTT 27.2 1	7.0	02		Hải	
27	242	5232100	✓	Vũ Tuấn Hải	CNTT 27.2 1	7.0	04		Hải	
28	243	5232105	✓	Bùi Quang Hiếu	CNTT 27.2 1	6.0	03		Hiếu	
29	244	5232103	✓	Đàm Minh Hiếu	CNTT 27.2 1	5.5	04		H	
30	245	5232101	✓	Đỗ Minh Hiếu	CNTT 27.2 1	6.5	03		Hiếu	
31	246	5232102	✓	Nguyễn Trung Hiếu	CNTT 27.2 1	4.8	03		Hiếu	
32	247	5232067	✓	Nguyễn Văn Hiếu	CNTT 27.2 1	6.0	02		Hiếu	
33	248	5232104	✓	Phan Chung Hiếu	CNTT 27.2 1	7.3	02		Hiếu	
34	249	5232066		~~Vũ Hữu Hiếu~~	CNTT 27.2 1					HP
35	250	5232106	✓	Đặng Văn Hiểu	CNTT 27.2 1	5.0	01		Hiểu	
36	251	5232068		Đồng Đình Hoàng	CNTT 27.2 1					
37	252	5232069	✓	Võ Quang Hưng	CNTT 27.2 1	6.8	04		Hưng	
38	253	5232071	✓	Đặng Quang Huy	CNTT 27.2 1	8.0	03		Huy	
39	254	5232107	✓	Nguyễn Hoàng Huy	CNTT 27.2 1	5.0	01		Huy	
40	255	5232070	✓	Tạ Quang Huy	CNTT 27.2 1	5.3	04			
41	256	5232108	✓	Phạm Thị Thu Huyền	CNTT 27.2 1	9.0	01		Huyền	
42	257	5232109	✓	Đỗ Đức Khang	CNTT 27.2 1	5.8	02		Khang	

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_06/03/2024_4_5 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:06/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:5

hàng	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	258	5232110	✓	Đỗ Văn Khánh	CNTT 27.2 1	8.5	02		Khánh	
44	259	5232111	✓	Phùng Thị Liên	CNTT 27.2 2	8.8	04		Liên	
45	260	5232112	✓	Khiếu Thành Long	CNTT 27.2 2	6.5	03			
46	261	5232113	✓	Lê Văn Lưu	CNTT 27.2 2	4.8	02			
47	262	5232116	✓	Bùi Hồng Minh	CNTT 27.2 2	5.5	03		Minh	
48	263	5232115	✓	Nguyễn Anh Minh	CNTT 27.2 2	4.5	04			
49	264	5232114	✓	Nguyễn Công Minh	CNTT 27.2 2	1.0	03			
50	265	5232117	✓	Nguyễn Hà Minh	CNTT 27.2 2	3.8	01			

Tổng số bài thi : **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi	Trưởng bộ môn	Người lập bảng
N.Th.H.Sửu T.V.Long	PGS.TS.Trần Văn Long	Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

40 SV
(15h40' ÷ 16h55')

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_06/03/2024_4_6 Thi tại : 503-A7

Ngày thi:06/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:6

STT	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	266	5232119		~~Lý Hồng Nam~~	CNTT 27.2 2					HP
2	267	5232118	✓	Ngô Văn Nam	CNTT 27.2 2	6.0	01		Nam	
3	268	5232120	✓	Nguyễn Hoài Nam	CNTT 27.2 2	6.5	02		Nam	
4	269	5232121	✓	Lê Đình Nghĩa	CNTT 27.2 2	8.5	02		Kin	
5	270	5232122	✓	Nguyễn Quang Ngọc	CNTT 27.2 2	7.3	02		Ngọc	
6	271	5232123	✓	Bùi Trọng Nguyên	CNTT 27.2 2	7.8	03		Nguyên	
7	272	5232124		~~Nguyễn Xuân Phúc~~	CNTT 27.2 2					HP
8	273	5232125	✓	Tạ Thu Phương	CNTT 27.2 2	8.5	03		Phương	
9	274	5232128	✓	Đỗ Trường Quân	CNTT 27.2 2	1.0	02		Quân	
10	275	5232129	✓	Ngô Minh Quân	CNTT 27.2 2	7.0	04		Quân	
11	276	5232126		~~Nguyễn Văn Quân~~	CNTT 27.2 2					HP
12	277	5232127		~~Phạm Văn Quân~~	CNTT 27.2 2					Bảo lưu
13	278	5232130	✓	Trần Hồng Quân	CNTT 27.2 2	6.8	03		Quân	
14	279	5232132	✓	Nguyễn Tiến Quang	CNTT 27.2 2	7.0	04		Quang	
15	280	5232131	✓	Vũ Minh Quang	CNTT 27.2 2	4.3	01		Quang	
16	281	5232133	✓	Đặng Bảo Quốc	CNTT 27.2 2	7.3	02		Quốc	
17	282	5232134	✓	Nguyễn Văn Quyết	CNTT 27.2 2	6.0	03		[illegible]	
18	283	5232135	✓	Nguyễn Xuân Quyết	CNTT 27.2 2	2.8	01		Quyết	
19	284	5232072		~~Hà Như Quỳnh~~	CNTT 27.2 1					HP
20	285	5232136	✓	Nguyễn Như Quỳnh	CNTT 27.2 2	9.0	04		Quỳnh	
21	286	5232137	✓	Nguyễn Hồng Sơn	CNTT 27.2 2	6.0	01		[illegible]	
22	287	5232073	✓	Phạm Quân Thạch	CNTT 27.2 1	6.5	04		Thạch	
23	288	5232138	✓	Tạ Quang Thắng	CNTT 27.2 2	1.5	01		Thắng	
24	289	5232140		~~Đỗ Minh Thành~~	CNTT 27.2 2					Bảo lưu
25	290	5232139	✓	Nguyễn Đức Thành	CNTT 27.2 2	00.0	03		Thành	
26	291	5232074	✓	Vũ Xuân Thành	CNTT 27.2 1	5.5	01		[illegible]	
27	292	5232141	✓	Lê Duy Thế	CNTT 27.2 2	1.0	01		Thế	
28	293	5232142		~~Nguyễn Đình Thiện~~	CNTT 27.2 2					HP
29	294	5232143	✓	Nguyễn Văn Thuần	CNTT 27.2 2	3.5	02		Thuần	
30	295	5232144	✓	Lê An Thuyên	CNTT 27.2 2	6.0	04		Thuyên	
31	296	5232147	✓	Bùi Xuân Tiến	CNTT 27.2 2	8.0	03		Tiến	
32	297	5232146	✓	Nguyễn Quyết Tiến	CNTT 27.2 2	8.8	03		Tiến	
33	298	5232145	✓	Vũ Văn Tiến	CNTT 27.2 2	9.0	02		[illegible]	
34	299	5232075		Nguyễn Hữu Toàn	CNTT 27.2 1					
35	300	5232148	✓	Phí Thị Trang	CNTT 27.2 2	5.0	01		Trang	
36	301	5232076	✓	Nguyễn Đình Trọng	CNTT 27.2 1	6.5	02		[illegible]	
37	302	5232149		~~Trần Đức Trung~~	CNTT 27.2 2					Bảo lưu
38	303	5232150	✓	Nguyễn Quang Trường	CNTT 27.2 2	4.5	03		[illegible]	
39	304	5232154	✓	Đỗ Hoàng Tú	CNTT 27.2 2	5.8	03		Tú	
40	305	5232153	✓	Đỗ Minh Tú	CNTT 27.2 2	6.5	04		Tú	
41	306	5232152	✓	Nguyễn Ngọc Tú	CNTT 27.2 2	4.8	04		Tú	
42	307	5232151	✓	Vũ Mạnh Tú	CNTT 27.2 2	4.8	01		Tú	

học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_06/03/2024_4_6 Thi tại : 503-A7

Ngày thi:06/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:6

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	308	5232155 ✓	Nguyễn Anh Tuấn	CNTT 27.2 2	8.5	02			
44	309	5232077 ✓	Phạm Thành Tuyên	CNTT 27.2 1	6.5	03		Tuyên	
45	310	5232156 ✓	Nguyễn Ngọc Uy	CNTT 27.2 2	1.5	04			
46	311	5232157 ✓	Vũ Văn Vang	CNTT 27.2 2	2.0	03		Vang	
47	312	5232158 ✓	Vũ Tiến Việt	CNTT 27.2 2	8.3	04		Việt	
48	313	5232078	~~Hoàng Đông Vĩnh~~	CNTT 27.2 1					HP
49	314	5232159 ✓	Bùi Quang Vũ	CNTT 27.2 2	8.0	01		Vũ	
50	315	5232160 ✓	Nguyễn Văn Xuân	CNTT 27.2 2	2.5	01		Xuân	

Tổng số bài thi : **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi **Trưởng bộ môn** **Người lập bảng**

N.M.H. Sơn T.V.Long PGS.TS. Trần Văn Long Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đây đủ ký hiệu điêm đặc biệt theo qui định (nêu có)
- Bộ môn nộp điêm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điêm quá trình băng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phân mêm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2024_4_7 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:07/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:7

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	316	5232269 ✓	Nguyễn Minh An	KTOTO27.2 1	3,3	05			
2	317	5232270 ✓	Mai Hoàng Việt Anh	KTOTO27.2 1	3,8	06		Anh	
3	318	5232272 ✓	Tạ Tuấn Anh	KTOTO27.2 1	4,5	06		Anh	
4	319	5232271 ✓	Trần Quang Anh	KTOTO27.2 1	7,3	07		Anh	
5	320	5232228	~~Nguyễn Bá Biên~~	KTN27.2	—	—	—	—	HP
6	321	5232246 ✓	Lương Văn Chiến	KTN27.2	2,0	08			
7	322	5232245 ✓	Trần Minh Chúc	KTN27.2	8,3	06		Chúc	
8	323	5232273 ✓	Đinh Quốc Công	KTOTO27.2 1	3,0	08		Công	
9	324	5232275 ✓	Lê Thành Công	KTOTO27.2 1	2,3	06		Công	
10	325	5232274 ✓	Nguyễn Văn Công	KTOTO27.2 1	5,0	07			
11	326	5232276 ✓	Lê Mạnh Cường	KTOTO27.2 1	5,8	05			
12	327	5232229 ✓	Trần Anh Cường	KTN27.2	4,0	08		Cường	
13	328	5232230 ✓	Nguyễn Thế Đại	KTN27.2	9,8	07			
14	329	5232279 ✓	Phạm Văn Đạt	KTOTO27.2 1	8,8	08		Đạt	
15	330	5232280 ✓	Lê Quang Đức	KTOTO27.2 1	7,5	06			
16	331	5232281 ✓	Phạm Văn Đức	KTOTO27.2 1	4,0	05		Đức	
17	332	5232247	~~Lê Hữu Thanh Dương~~	KTN27.2	—	—	—	—	HP
18	333	5232277 ✓	Nguyễn Văn Dương	KTOTO27.2 1	7,0	07			
19	334	5232278 ✓	Nguyễn Văn Dương	KTOTO27.2 1	6,3	05			
20	335	5232282 ✓	Trần Đức Giang	KTOTO27.2 1	5,8	06			
21	336	5232231	~~Đinh Ngọc Giới~~	KTN27.2	—	—	—	—	HP
22	337	5232283 ✓	Vũ Văn Hảo	KTOTO27.2 1	2,3	06			
23	338	5232284 ✓	Nguyễn Trọng Hiển	KTOTO27.2 1	9,5	07		Hiển	
24	339	5232285 ✓	Đinh Văn Hiệp	KTOTO27.2 1	5,0	05		Hiệp	
25	340	5232248 ✓	Hoàng Ngọc Hiệp	KTN27.2	0,5	05		Hiệp	
26	341	5232287	~~Lê Văn Hiếu~~	KTOTO27.2 1	—	—	—	—	HP
27	342	5232232 ✓	Nguyễn Văn Hiếu	KTN27.2	3,3	05		Hiếu	
28	343	5232286	~~Triệu Văn Hiếu~~	KTOTO27.2 1	—	—	—	—	HP
29	344	5232233 ✓	Hà Huy Hoàng	KTN27.2	6,8	08		Hoàng	
30	345	5232290 ✓	Nguyễn Huy Hoàng	KTOTO27.2 1	7,8	08		Hoàng	
31	346	5232288 ✓	Nguyễn Việt Hoàng	KTOTO27.2 1	8,8	05		Hoàng	
32	347	5232289 ✓	Trương Lê Duy Hoàng	KTOTO27.2 1	3,3	08		Hoàng	
33	348	5232291	~~Mẫn Đình Hồng~~	KTOTO27.2 1	—	—	—	—	HP
34	349	5232293 ✓	Nguyễn Đức Hưng	KTOTO27.2 1	0,5	07		Hưng	
35	350	5232292	~~Nguyễn Quang Hưng~~	KTOTO27.2 1	—	—	—	—	HP
36	351	5232235 ✓	Chu Lý Quốc Huy	KTN27.2	5,5	07.		Huy	
37	352	5232294 ✓	Đỗ Văn Huy	KTOTO27.2 1	6,3	06		Huy	
38	353	5232296	~~Nguyễn Quang Huy~~	KTOTO27.2 1	—	—	—	—	HP
39	354	5232297 ✓	Nguyễn Vũ Quang Huy	KTOTO27.2 1	3,8	07			
40	355	5232295 ✓	Phạm Văn Huy	KTOTO27.2 1	8,5	08		Huy	
41	356	5232234 ✓	Trần Quang Huy	KTN27.2	6,5	05		Huy	
42	357	5232249 ✓	Nguyễn Gia Minh Khang	KTN27.2	00,0	08		Khang	

Học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2024_4_7 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:07/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:7

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	358	5232298	~~Nguyễn Đoàn Khuê~~	KTOTO27.2 1	—	—	—	—	HP
44	359	5232236	Hà Như Kiên	KTN27.2	0,3	07			
45	360	5232299	Hà Văn Lâm	KTOTO27.2 1	8,8	08			
46	361	5232237	Lê Anh Lâm	KTN27.2	1,3	05		Lâm	
47	362	5232300	Trương Công Lập	KTOTO27.2 1	5,0	05		Lập	
48	363	5232251	Chu Khắc Duy Linh	KTN27.2	0,5	06			
49	364	5232238	Ngô Hải Linh	KTN27.2	2,5	06			
50	365	5232301	Ngô Thế Linh	KTOTO27.2 1	6,0	07		Linh	

Tổng số bài thi : 40+1=41 **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi	Trưởng bộ môn	Người lập bảng
Ng Văn Hoàng T.V.Hoàng	PGS.TS. Trần Văn Long	Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2024_4_8 Thi tại : 503-A7

Ngày thi:07/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:8

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	366	5232250	Phạm Xuân Linh	KTN27.2	6,5	202307		Linh	
2	367	5232302	Trần Thành Lợi	KTOTO27.2 1	0,8	202305		Lợi	
3	368	5232304	Chu Trần Long	KTOTO27.2 1	0,3	202307		Long	
4	369	5232303	Đào Văn Long	KTOTO27.2 1	7,5	202306		Long	
5	370	5232252	Đào Đức Mạnh	KTN27.2	1,8	202305		Mạnh	
6	371	5232239	Nguyễn Đình Mạnh	KTN27.2	9,3	202307		Mạnh	
7	372	5232306	~~Nguyễn Tuấn Mạnh~~	KTOTO27.2 1					HP
8	373	5232307	Nguyễn Văn Mạnh	KTOTO27.2 1	1,8	202306		Mạnh	
9	374	5232305	Triệu Đức Mạnh	KTOTO27.2 1	7,0	202305		Mạnh	
10	375	5232310	Hoàng Tuấn Minh	KTOTO27.2 1	6,0	202308		Minh	
11	376	5232309	Lê Anh Minh	KTOTO27.2 1	5,8	202305		Minh	
12	377	5232253	Phạm Văn Minh	KTN27.2	5,5	202306		Minh	
13	378	5232308	Trần Công Minh	KTOTO27.2 1	5,8	202308		Minh	
14	379	5232311	Đặng Hải Nam	KTOTO27.2 1	3,5	202306		Nam	
15	380	5232312	Nguyễn Hải Nam	KTOTO27.2 1	2,0	202308		Nam	
16	381	5232240	~~Nguyễn Trung Nghĩa~~	KTN27.2					HP
17	382	5232254	Đặng Đình Nguyên	KTN27.2	7,3	202308		Nguyên	
18	383	5232313	~~Phạm Văn Phong~~	KTOTO27.2 1					HP
19	384	5232314	Nguyễn Anh Quang	KTOTO27.2 1	5,0	202307		Quang	
20	385	5232255	Lê Đức Quyền	KTN27.2	7,5	202308		Quyền	
21	386	5232315	Nguyễn Như Quyền	KTOTO27.2 1	1,3	202305		Quyền	
22	387	5232241	Lê Kiên Quyết	KTN27.2	0,5	202306		Quyết	
23	388	5232316	Đinh Ngọc Sơn	KTOTO27.2 1	6,5	202306		Sơn	
24	389	5232257	Đỗ Trường Sơn	KTN27.2	8,0	202307		Sơn	
25	390	5232256	~~Nguyễn Ngọc Bảo Sơn~~	KTN27.2					HP
26	391	5232258	Nguyễn Văn Tam	KTN27.2	5,0	202305		Tam	
27	392	5232317	Phạm Hoàng Thái	KTOTO27.2 1	7,0	202307		Thái	
28	393	5232318	Phan Việt Thắng	KTOTO27.2 1	5,0	202305		Thắng	
29	394	5232242	~~Vương Chiến Thắng~~	KTN27.2					HP
30	395	5232319	Nguyễn Văn Thành	KTOTO27.2 1	7,8	202306		Thành	
31	396	5232320	Nguyễn Văn Thành	KTOTO27.2 1	5,5	202307		Thành	
32	397	5232321	Phạm Đức Thành	KTOTO27.2 1	3,5	202308		Thành	
33	398	5232322	Trần Minh Thật	KTOTO27.2 1					
34	399	5232259	Phạm Đình Thọ	KTN27.2	5,0	202308		Thọ	
35	400	5232325	Nguyễn Công Tiến	KTOTO27.2 1	0,5	202305		Tiến	
36	401	5232323	Nguyễn Văn Tiến	KTOTO27.2 1	4,0	202306		Tiến	
37	402	5232324	Trần Xuân Tiến	KTOTO27.2 1	5,0	202307		Tiến	
38	403	5232260	Vũ Đình Tiến	KTN27.2	5,8	202308		Tiến	
39	404	5232261	Ngô Qúy Tĩnh	KTN27.2	3,8	202308		Tĩnh	
40	405	5232262	Nguyễn Minh Tới	KTN27.2	9,0	202306		Tới	
41	406	5232263	Nguyễn Văn Trinh	KTN27.2	2,8	202305		Trinh	
42	407	5232243	Trần Đình Trọng	KTN27.2	0,5	202306			

Số TC :2

học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính

Mã DST:BS0.102.2_07/03/2024_4_8 Thi tại : 503-A7

Ngày thi:07/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:8

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	408	5232326 ✓	Hoàng Văn Trường	KTOTO27.2 1	00,0	202308			
44	409	5232264	~~Nguyễn Hưng Tú~~	KTN27.2	—	—	—	—	HP
45	410	5232327 ✓	Phạm Gia Tú	KTOTO27.2 1	4,0	202305		Tú	
46	411	5232266	~~Lại Văn Tuấn~~	KTN27.2	—	—	—	—	HP
47	412	5232328 ✓	Lưu Mạnh Tuấn	KTOTO27.2 1	00,0	202307		Tuấn	
48	413	5232267	~~Nguyễn Huy Tuấn~~	KTN27.2	—	—	—	—	HP
49	414	5232265 ✓	Phạm Hữu Tuấn	KTN27.2	00,0	202306		tuấn	
50	415	5232244 ✓	Phạm Thanh Tùng	KTN27.2	2,8	202305		Tùng	
51	416	5232268 ✓	Bùi Ngọc Tuyên	KTN27.2	00,0	202307		Tuyên	

Tổng số bài thi : **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi **Trưởng bộ môn** **Người lập bảng**

Ng Văn Hoàng T. V. Long PGS.TS. Trần Văn Long Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2024_4_9 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:08/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:9

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	417	5232334	Lê Tuấn Anh	KTOTO27.2 2	3,0	01			
2	418	5232166	Nguyễn Tuấn Anh	KTCK27.2	3,3	02			
3	419	5232452	Nguyễn Văn Ba	KTVT 27.2	8,5	03			
4	420	5232335	Mai Quân Bảo	KTOTO27.2 2	2,0	01			
5	421	5232337	Nguyễn Thanh Bình	KTOTO27.2 2	5,0	03			
6	422	5232336	~~Nguyễn Văn Bình~~	KTOTO27.2 2					HP
7	423	5232339	Đỗ Đăng Chung	KTOTO27.2 2	4,0	01			
8	424	5232338	Hoàng Mạnh Chung	KTOTO27.2 2	00,0	04			
9	425	5232161	Nguyễn Đức Dân	KTCK27.2	7,3	02			
10	426	5232453	~~Nguyễn Huy Đoàn~~	KTVT 27.2					HP
11	427	5232340	Nguyễn Văn Đông	KTOTO27.2 2	3,3	03			
12	428	5232341	Hoàng Văn Du	KTOTO27.2 2	1,8	04			
13	429	5232167	~~Nguyễn Kim Đức~~	KTCK27.2					HP
14	430	5232454	Nguyễn Ngọc Anh Đức	KTVT 27.2	00,0	01			
15	431	5232342	Trần Minh Đức	KTOTO27.2 2	2,0	03			
16	432	5232343	~~Bùi Bách Duy~~	KTOTO27.2 2					HP
17	433	5232162	Lê Mạnh Hà	KTCK27.2	1,0	02			
18	434	5232455	Nguyễn Hoàng Hà	KTVT 27.2	3,3	02			
19	435	5232168	Đỗ Bá Hải	KTCK27.2	00,0	03			
20	436	5232344	Nguyễn Quang Hải	KTOTO27.2 2	00,0	03			
21	437	5232345	Trương Minh Hải	KTOTO27.2 2	0,5	04			
22	438	5232456	~~Nguyễn Văn Hiệp~~	KTVT 27.2					HP
23	439	5232346	Nguyễn Hữu Hiếu	KTOTO27.2 2	2,0	02			
24	440	5232457	Nguyễn Minh Hiếu	KTVT 27.2	1,0	01			
25	441	5232347	Triệu Quang Hiếu	KTOTO27.2 2	00,0	03			
26	442	5232348	Lê Văn Hoàn	KTOTO27.2 2	2,5	04			
27	443	5232458	Ngô Việt Hoàn	KTVT 27.2	1,3	03			
28	444	5232350	Đỗ Minh Hoàng	KTOTO27.2 2	7,5	01			
29	445	5232349	Trần Việt Hoàng	KTOTO27.2 2	3,3	04			
30	446	5232459	Bùi Quang Hùng	KTVT 27.2	00,0				vắng
31	447	5232163	Nguyễn Phi Hùng	KTCK27.2	5,5	04			
32	448	5232351	~~Trần Đăng Hưng~~	KTOTO27.2 2					HP
33	449	5232352	Vũ Phan Hưng	KTOTO27.2 2	2,5	02			
34	450	5232353	Nguyễn Quốc Huy	KTOTO27.2 2	5,0	03			
35	451	5232355	Nguyễn Tiến Huy	KTOTO27.2 2	2,0	04			
36	452	5232460	Nguyễn Việt Huy	KTVT 27.2	1,0	01			
37	453	5232164	Phạm Đức Huy	KTCK27.2	1,5	01			
38	454	5232354	~~Phạm Quang Huy~~	KTOTO27.2 2					HP
39	455	5232356	~~Lâm Tăng Khải~~	KTOTO27.2 2					HP
40	456	5232358	Nguyễn Phúc Khang	KTOTO27.2 2	3,5	02			
41	457	5232357	Nguyễn Vi Khang	KTOTO27.2 2	5,8	03			
42	458	5232359	Lê Văn Khánh	KTOTO27.2 2	5,8	03			

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2024_4_9 Thi tại : 501-A7

Ngày thi:08/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:9

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	459	5232360	Cao Trung Kiên	✓	KTOTO27.2 2	1,8	04			
44	460	5232361	Vũ Minh Kiên	✓	KTOTO27.2 2	3,8	02			3,8
45	461	5232362	Hồ Văn Linh	✓	KTOTO27.2 2	1,0	03		Linh	
46	462	5232169	Nguyễn Văn Linh	✓	KTCK27.2	1,5	04			
47	463	5232461	Nguyễn Viết Mạnh	✓	KTVT 27.2	1,3	03		Mạnh	
48	464	5232463	Đỗ Quang Minh	✓	KTVT 27.2	2,0	02		Minh	
49	465	5232462	Nguyễn Mạnh Minh		KTVT 27.2	00,0				vắng
50	466	5232364	Nguyễn Nhật Minh	✓	KTOTO27.2 2	5,8	01		Minh	

Tổng số bài thi : 40 **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi	Trưởng bộ môn	Người lập bảng
M.P. Bình T.V. Long	PGS.TS. Trần Văn Long	Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

xong

DANH SÁCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Năm học 2023-2024 học kỳ 1 - Đợt thi : Liên thông 27.2 HK1 2023-2024

Mã học phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

Mã DST:BS0.102.2_08/03/2024_4_10 Thi tại : 503-A7

Ngày thi:08/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:10

STT	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	467	5232363	✓	Trần Công Minh	KTOTO27.2 2	3,8	01		Minh	
2	468	5232170	✓	Triệu Quang Minh	KTCK27.2	0,5	03		Minh	
3	469	5232368	✓	Đinh Trọng Nam	KTOTO27.2 2	3,5	02			3,5
4	470	5232366	✓	Ngô Phương Nam	KTOTO27.2 2	8,3	01		Nam	
5	471	5232365	✓	Nguyễn Văn Nam	KTOTO27.2 2	00,0	04		Nam	
6	472	5232464		~~Nguyễn Văn Nam~~	KTVT 27.2					HP
7	473	5232367		~~Trịnh Văn Nam~~	KTOTO27.2 2					HP
8	474	5232369	✓	Đinh Huy Nghĩa	KTOTO27.2 2	5,0	04		Nghĩa	
9	475	5232370	✓	Nguyễn Minh Nghĩa	KTOTO27.2 2	5,0	03		Nghĩa	
10	476	5232465	✓	Nguyễn Văn Ngọc	KTVT 27.2	2,0	02		Ngọc	
11	477	5232171	✓	Lê Cao Nguyên	KTCK27.2	10,0	03		Nguyên	
12	478	5232466	✓	Nguyễn Văn Nhuận	KTVT 27.2	1,8	02		Nhuận	
13	479	5232172	✓	Lê Văn Ninh	KTCK27.2	3,5	03		Ninh	
14	480	5232371	✓	Nguyễn Hồng Phong	KTOTO27.2 2	1,5	01		Phong	
15	481	5232467	✓	Nguyễn Tuấn Phong	KTVT 27.2	5,5	01		Phong	
16	482	5232372		~~Trần Hải Phong~~	KTOTO27.2 2					Bảo lưu
17	483	5232373	✓	Hà Quốc Phương	KTOTO27.2 2	1,5	01			
18	484	5232374	✓	Hoàng Anh Quân	KTOTO27.2 2	2,5	01		Quân	
19	485	5232468		~~Nguyễn Văn Quân~~	KTVT 27.2					HP
20	486	5232375	✓	Âu Hoàng Sơn	KTOTO27.2 2	4,5	02		Sơn	
21	487	5232469	✓	Đỗ Văn Sơn	KTVT 27.2	00,0	02		Sơn	
22	488	5232470	✓	Hà Quang Sơn	KTVT 27.2	4,8	04		Sơn	
23	489	5232165	✓	Nguyễn Văn Sơn	KTCK27.2	5,3	02		Sơn	
24	490	5232471	✓	Tạ Đức Tạo	KTVT 27.2	7,3	03		Tạo	
25	491	5232376	✓	Bùi Hồng Thái	KTOTO27.2 2	5,0	02		Thái	
26	492	5232377	✓	Nguyễn Chí Thanh	KTOTO27.2 2	6,0	01		Thanh	
27	493	5232378		~~Nguyễn Thành~~	KTOTO27.2 2					HP
28	494	5232472		Hoàng Văn Thịnh	KTVT 27.2	00,0				vắng
29	495	5232379		~~Vũ Đình Thoại~~	KTOTO27.2 2					HP
30	496	5232380	✓	Ngô Minh Thuận	KTOTO27.2 2	6,8	04			
31	497	5232173	✓	Phạm Ngọc Thức	KTCK27.2	2,3	03			
32	498	5232381		~~Nguyễn Quyết Tiến~~	KTOTO27.2 2					HP
33	499	5232382	✓	Nguyễn Thanh Tình	KTOTO27.2 2	2,0	02		Tình	
34	500	5232383	✓	Nguyễn Văn Toàn	KTOTO27.2 2	6,0	04		Toàn	
35	501	5232473	✓	Nguyễn Thành Trung	KTVT 27.2	2,5	04		Trung	
36	502	5232474	✓	Đoàn Văn Trường	KTVT 27.2	3,8	03		Trường	
37	503	5232384	✓	Nguyễn Mạnh Trường	KTOTO27.2 2	3,0	04		Trường S.	
38	504	5232174	✓	Nguyễn Xuân Trường	KTCK27.2	3,3	03		Trường	
39	505	5232475	✓	Vũ Xuân Trường	KTVT 27.2	2,0	03		Trường	
40	506	5232476	✓	Đặng Anh Tuấn	KTVT 27.2	3,0	01		Tuấn	
41	507	5232385	✓	Lê Trọng Tuấn	KTOTO27.2 2	2,0	02		Tuấn	
42	508	5232329	✓	Nguyễn Đức Tuấn	KTOTO27.2 2	1,3	02		Tuấn	

phần:BS0.102.2 Tên học phần:Đại số tuyến tính Số TC :2

DST:BS0.102.2_08/03/2024_4_10 Thi tại : 503-A7

Ngày thi:08/03/2024 Ca thi: Ca 4 (15:30 - 17:30) Phòng số:10

STT	SBD	Mã SV		Họ và tên	Lớp	Điểm	Đề số	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
43	509	5232330		~~Nguyễn Văn Tuấn~~	KTOTO27.2 2					HP
44	510	5232331	✓	Nguyễn Thanh Tùng	KTOTO27.2 2	6,3	01		Tùng	
45	511	5232386	✓	Bùi Duy Văn	KTOTO27.2 2	7,0	04		Văn	
46	512	5232387	✓	Phạm Hồng Vĩ	KTOTO27.2 2	3,5	02		Vĩ	
47	513	5232175	✓	Lê Minh Việt	KTCK27.2	4,3	03		Việt	
48	514	5232388	✓	Nguyễn Đức Việt	KTOTO27.2 2	0,5	03		Việt	
49	515	5232332	✓	Đinh Đắc Vũ	KTOTO27.2 2	5,5	01		Vũ	
50	516	5232333	✓	Phạm Bình Yên	KTOTO27.2 2	7,3	04		Yên	

Tổng số bài thi : 41 **Tổng số tờ giấy thi :**

Hà Nội,ngày 29 tháng 2 năm 2024

Hai giáo viên chấm thi **Trưởng bộ môn** **Người lập bảng**

M.P.Bình T.V.Long PGS.TS.Trần Văn Long Nguyễn Thanh Bình

Ghi chú:

- Ghi đây đủ ký hiệu điêm đặc biệt theo qui định (nêu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhât sau 10 ngày kê từ ngày thi cho Phòng Đào tạo Đại Học và các Khoa, Viện có liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình băng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phân mêm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP